

# GETTING STARTED

(SGK tiếng Anh 11 trang 30, 31)

## 1. Listen and read (Nghe và đọc.)

**Mai:** I can see that you and Hoang Minh have become close friends, Lan.

**Lan:** We have. I really like him because he doesn't rely on other people for help and isn't influenced by other people's opinions.

**Mai:** I see. So he's very independent.

**Lan:** Yes. He's also a very responsible student. He always completes his tasks on time, and never needs to be reminded about assignments and other schoolwork.

**Mai:** Right.



**Lan:** He's also reliable. Last week, our group worked on a project and he was assigned the most difficult part of it. He tried very hard and did it well.

**Mai:** It's good to have a friend you can rely on. He seems very determined.

**Lan:** He is. Last month, we were given a very hard Maths problem. While most of us gave up, he spent the whole night on it and solved it in the end.

**Mai:** That's amazing!

**Lan:** Yeah. Even our Maths teacher was very surprised to read his answer. Another good thing about him is that he's self-reliant. He always tries to find solutions to his problems and seldom needs help from others.

**Mai:** His parents must be really pleased to have such a son.

**Lan:** Of course. He also helps around the house a lot. But he still has time to read, so he's well-informed about what's happening around the world. It's interesting to talk to him.

**Mai:** I'll talk to him sometime.

**Lan:** Yes, you should. He's also very confident and decisive. He always believes in himself, and I really admire his ability to make decisions so quickly. He's a very independent person!

**Mai:** That's great! You're lucky to have a close friend like him.

## Hướng dẫn dịch

**Mai:** Mình có thể thấy rằng bạn và Hoàng Minh đã trở thành bạn thân của nhau.

**Lan:** Đúng vậy. Mình thật sự thích cậu ấy vì cậu ấy không dựa vào người khác để được giúp đỡ và không bị ảnh hưởng bởi ý kiến của người khác.

**Mai:** Mình cũng thấy vậy. Cậu ấy rất độc lập.

**Lan:** Ừ, cậu ấy còn là một học sinh có trách nhiệm. Cậu ấy luôn hoàn thành nhiệm vụ đúng thời hạn và chưa bao giờ bị nhắc nhở về bài tập và những công việc khác.

**Mai:** Đúng vậy.

**Lan:** Cậu ấy còn là một người đáng tin cậy. Tuần trước nhóm mình nhận một dự án và được giao làm phần khó nhất của dự án đó. Cậu ấy đã rất cố gắng và đã làm rất tốt.

**Mai:** Thật là tốt khi có một người bạn có thể tin cậy được. Cậu ấy dường như rất quyết tâm.

**Lan:** Cậu ấy là vậy đó. Tháng trước chúng mình được giao cho một bài toán hóc búa. Hầu hết các bạn lớp mình đều bó tay, vậy mà cậu ấy thức suốt đêm để giải và đã giải được.

**Mai:** Thật đáng ngạc nhiên!

**Lan:** Ừ, thậm chí thầy dạy Toán lớp mình đã rất ngạc nhiên khi đọc lời giải của cậu ấy. Một điều tốt về cậu ấy nữa là cậu ấy là người tự lực. Cậu ấy luôn cố gắng tìm cách giải quyết cho những vấn đề của mình và hiếm khi cần sự giúp đỡ từ người khác.

**Mai:** Chắc hẳn bố mẹ cậu ấy thật sự hài lòng khi có một cậu con trai như vậy.

**Lan:** Dĩ nhiên rồi. Cậu ấy còn giúp đỡ mọi người trong nhà rất nhiều. Vậy mà cậu ấy vẫn có thời gian đọc sách vì thế mà cậu ấy rất nhanh nhạy tin tức về những gì đang diễn ra trên thế giới. Nói chuyện với cậu ấy thật thú vị.

**Mai:** Lúc nào đó mình sẽ nói chuyện với cậu ấy.

**Lan:** Ừ, bạn nên thử xem sao. Cậu ấy còn là người tự tin và quyết đoán. Cậu ấy luôn tin vào chính bản thân mình và mình thật sự ngưỡng mộ khả năng đưa ra quyết định nhanh chóng. Cậu ấy là một người rất độc lập!

**Mai:** Thật tuyệt! Bạn thật may mắn khi có một người bạn thân giống cậu ấy.

## **2. Answer the questions about the conversation.**

*(Trả lời câu hỏi theo bài hội thoại)*

**Lời giải chi tiết:**

**1. Why does Lan like Minh?**

*(Tại sao Lan thích Minh?)*

**=> Because Minh doesn't rely on other people for help and isn't influenced by other people's opinions.**

*(Bởi vì Minh không dựa dẫm vào người khác để được giúp đỡ và không bị ảnh hưởng bởi quan điểm của người khác.)*

**Thông tin:** Ở câu nói của Lan ở đầu hội thoại: *I really like him because he doesn't rely on other people for help and isn't influenced by other people's opinions.*

**2. Why does Lan think Minh is a very responsible student?**

*(Tại sao Lan nghĩ Minh là một học sinh rất có trách nhiệm?)*

**=> Because he always completes his tasks on time, and never needs to be reminded about the assignments and other schoolwork.**

*(Vì cậu ấy luôn hoàn thành bài tập đúng thời hạn, và không bao giờ cần được nhắc nhở về bài tập và các bài vở khác.)*

**Thông tin:** Ở câu nói của Lan: *He's also a very responsible student. He always completes his tasks on time, and never needs to be reminded about assignments and other schoolwork.*

**3. What is an example showing that Minh is very determined?**

*(Đây là một ví dụ cho thấy Minh rất quyết tâm?)*

**=> He tried hard and spent the whole night on a hard Maths problem when most students in the class had given up.**

*(Cậu ấy nỗ lực cố gắng và dành cả đêm để giải một bài toán khó trong khi hầu hết các bạn trong lớp đều đã bỏ cuộc.)*

**Thông tin:** Ở câu nói của Lan ở giữa đoạn hội thoại: *Last month, we were given a very hard Maths problem. While most of us gave up, he spent the whole night on it and solved it in the end.*

**4. Why does Lan think that Minh is self-reliant?**

*(Tại sao Lan nghĩ rằng Minh tự lực?)*

**=> He always tries to find solutions to his problems and seldom needs help from others.**

*(Cậu ấy luôn cố gắng tìm cách giải quyết vấn đề của bản thân và hiếm khi cần sự giúp đỡ từ người khác.)*

**Thông tin:** Ở câu nói của Lan: *Another good thing about him is that he's self-reliant. He always tries to find solutions to his problems and seldom needs help from others.*

**5. What are the characteristics of an independent person according to Lan and Mai?**  
*(Theo Lan và Mai, những đặc điểm của một người tự lập là gì?)*

**=> Responsible, reliable, self-reliant, determined, well-informed and confident.**  
*(Có trách nhiệm, đáng tin cậy, tự lực, quyết tâm, hiểu biết và tự tin)*

**Thông tin:** Dựa vào các nhận xét của Mai và Lan về Minh trong toàn bài hội thoại:  
He's also a very responsible student; He's also reliable; He's self-reliant; He seems very determined; so he's well-informed about what's happening around the world; He's also very confident and decisive.

**6. Which of Minh's characteristics do you have? Which do you like most?**  
*(Bạn có những đặc điểm nào của Minh? Bạn thích đặc điểm nào nhất?)*

**=> Well-informed, self-reliant. I like his determination most because I think this will greatly help him to overcome difficulties and achieve any targets that he aims for. I will try my best to follow his example.**

*(hiểu biết, tự lực. Tôi thích sự quyết tâm của cậu ấy nhất vì tôi nghĩ rằng phẩm chất này sẽ giúp cậu ấy rất nhiều trong việc vượt qua khó khăn trở ngại và đạt được bất kì mục tiêu nào mà cậu ấy hướng tới. Tôi sẽ cố gắng hết sức để noi gương cậu ấy.)*

**3. Read the conversation again. Match the words with their definitions.**  
*(Đọc lại đoạn hội thoại rồi ghép những từ đã cho phù hợp với định nghĩa của chúng)*



**Đáp án:**

1-d	2-e	3-b	4-c	5-f	6-a
-----	-----	-----	-----	-----	-----

**1. reliable:** that can be trusted to do something well; that you can rely on

(đáng tin cậy: cái mà có thể được tin cậy để làm điều gì đó tốt; mà bạn có thể dựa vào)

**2. self-reliant:** capable of doing or deciding things by yourself, rather than depending on other people for help

(tự lực: có khả năng tự mình làm hoặc quyết định mọi thứ, thay vì phụ thuộc vào người khác để được giúp đỡ)

**3. decisive:** able to make decisions quickly

*(quyết đoán: có thể đưa ra quyết định nhanh chóng)*

**4. determined:** strongly motivated to do something and not allowing anyone or any difficulties to stop you

*(kiên định: động lực mạnh mẽ để làm điều gì đó và không cho phép bất cứ ai hoặc bất kỳ khó khăn nào để ngăn chặn bạn)*

**5. well-informed:** having a lot of knowledge about current topics or a particular subject

*(hiểu biết: có rất nhiều kiến thức về các chủ đề hiện tại hoặc một chủ đề cụ thể)*

**6. confident:** feeling certain about your own ability to do things and be successful

*(tự tin: cảm thấy chắc chắn về khả năng của mình để làm việc và thành công)*

**4. Find the sentences with to-infinitives after adjectives or nouns in the conversation and write them in the spaces below.**

*(Tìm những câu có sử dụng động từ nguyên mẫu có TO sau tính từ hoặc danh từ trong đoạn hội thoại rồi viết vào khoảng trống cho bên dưới.)*

**Lời giải chi tiết:**

**1.** It's good **to have** a friend you can rely on.

*(Thật tốt khi có một người bạn mà bạn có thể tin cậy.)*

**2.** Even our Maths teacher was very surprised **to read** his answer.

*(Ngay cả giáo viên toán của chúng tôi cũng rất ngạc nhiên khi đọc câu trả lời của cậu ấy.)*

**3.** His parents must be really pleased **to have** such a son.

*(Bố mẹ cậu ấy hẳn rất vui khi có một đứa con trai như vậy.)*

**4.** But he still has time **to read**,...

*(Nhưng cậu ấy vẫn còn thời gian đọc,...)*

5. It's interesting **to talk** to him.

*(Thật thú vị khi nói chuyện với cậu ấy.)*

6. I really admire his ability **to make** decisions so quickly.

*(Tôi thực sự ngưỡng mộ khả năng đưa ra quyết định nhanh chóng của cậu ấy.)*

7. You're lucky **to have** a close friend like him.

*(Bạn thật may mắn khi có một người bạn thân như cậu ấy.)*

